uigeli.xyz

SỞ GD&ĐT .....
TRƯỜNG: .....
TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP
BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN
MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 10, LỚP 10 – BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG
(Năm học 2026 - 2027)

I. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình lớp 10 (tích hợp năng lực số và giáo dục AI theo QĐ 3439/QĐ-BGDĐT)

STT	BÀI HỌC	SỐ TIẾT	THỜI ĐIỂM (TUẦN)	THIẾT BỊ DẠY HỌC	ĐỊA ĐIỂM DẠY HỌC	NĂNG LỰC SỐ PHÁT TRIỂN	YCCĐ THEO KHUNG 3439 (GIÁO DỤC AI)
HỌC KỲ I							
1	Chủ đề 1 Phát huy truyền thống nhà trường	12	Tuần 1-4 Tiết 1-12 7/9 → 3/10	Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại, giấy A3 hoặc A4 Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV Video, bài hát hoặc trò chơi đơn giản phù hợp với nội dung chủ đề để tổ chức hoạt động khởi động	Lớp học	1.1.NC1b: HS tra cứu trang thông tin của trường và báo địa phương để thu thập tư liệu về truyền thống nhà trường, ghi rõ nguồn và ngày truy cập vào phiếu kế hoạch của tổ.	10.C2: Liên hệ các ứng dụng AI và vấn đề trong thực tế: - HS nhờ trợ lí AI miễn phí gợi ý ý tưởng hoạt động giáo dục truyền thống, đối chiếu với nội quy trường và loại bỏ gợi ý không phù hợp thực tế lớp.
2	Chủ đề 2 Khám phá bản thân	06	Tuần 5-6 Tiết 13-18 5/10 → 17/10	Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại, giấy A3 hoặc A4 Phiếu phục vụ hoạt động học tập, thu thập thông tin … Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV Video, bài hát, thơ ca về lứa tổi trưởng thành	Lớp học	2.6.NC1a: HS liệt kê các tài khoản số mình đang dùng cho học tập, giải trí, lập bảng đối chiếu tên hiển thị và thông tin công khai của từng tài khoản với hình ảnh bản thân muốn thể hiện.	10.A1: Con người trong hệ thống AI: - HS dùng một ứng dụng AI miễn phí mô tả tính cách của mình, tự kiểm tra lại từng nhận định bằng phiếu tự đánh giá và chỉ ra chỗ AI nói chưa đúng về bản thân.
3	Chủ đề 3 Rèn luyện bản thân	14	Tuần 7-11 Tiết 19-32 19/10 → 21/11	Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại Sưu tầm thông tin, tư liệu, tấm gương liên quan đến bài học Tài liệu liên quan đến nội dung	Lớp học	5.4.NC1a: HS đối chiếu bảng chỉ báo năng lực số với việc mình thường làm khi dùng điện thoại, máy tính ở nhà, chỉ ra 2 chỉ báo bản thân còn yếu kèm minh chứng	10.C4: Các dạng dữ liệu huấn luyện và ảnh hưởng đến chất lượng AI: - HS hỏi AI cách chia các khoản chi trong tháng, đối chiếu gợi ý đó với sổ chi tiêu thật của mình và chỉ ra khoản

uigeli.xyz

STT	BÀI HỌC	SỐ TIẾT	THỜI ĐIỂM (TUẦN)	THIẾT BỊ DẠY HỌC	ĐỊA ĐIỂM DẠY HỌC	NĂNG LỰC SỐ PHÁT TRIỂN	YCCĐ THEO KHUNG 3439 (GIÁO DỤC AI)
				bài học; SGK, SGV Video, bài hát hoặc trò chơi phù hợp với nội dung chủ đề để tổ chức hoạt động khởi động		và ghi vào phiếu kế hoạch rèn luyện.	nào AI nêu không khớp với hoàn cảnh gia đình.
4	Kiểm tra đánh giá giữa kỳ I	01	Tuần 11 Tiết 33 16/11 → 21/11	Đề kiểm tra in sẵn; giấy kiểm tra Tivi, máy tính cá nhân (chiếu đề, hướng dẫn)	Lớp học		
5	Chủ đề 4 Chủ động, tự tin trong học tập và giao tiếp	09	Tuần 12-14 Tiết 34-42 23/11 → 12/12	Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại Video về một số nhân vật thành công trong cuộc sống, nhờ có tính kiên trì, sự chăm chỉ Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV	Lớp học	2.5.NC1a: HS đọc mục quy định cộng đồng của một ứng dụng nhắn tin quen thuộc, tìm ba hành vi bị ứng dụng đó cấm và nêu hành vi tương ứng nên tránh khi nhắn tin với thầy cô.	10.B2: Tuân thủ quy định và pháp luật khi sử dụng AI: - HS liệt kê tình huống dùng AI làm hộ bài rồi nộp cho thầy cô, đối chiếu với nội quy nhà trường để chỉ ra hành vi vi phạm và nêu cách ứng xử trung thực.
6	Chủ đề 5 Trách nhiệm với gia đình	06	Tuần 15-16 Tiết 43-48 14/12 → 26/12	Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại Tình huống, câu chuyện gắn với bài học Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV	Lớp học	1.3.NC1a: HS lập bảng phân công việc nhà theo tuần trên phiếu A3, ghi lại số buổi đã làm và sắp xếp theo từng thành viên gia đình, dán lên bảng nhóm để báo cáo kết quả cuối chủ đề.	10.C2: Liên hệ các ứng dụng AI và vấn đề trong thực tế: - HS tra cứu bằng AI một số cách tăng thu nhập cho hộ gia đình, đối chiếu với điều kiện thật của gia đình mình và loại bỏ những đề xuất không khả thi.
7	Chủ đề 6 Tham gia Xây dựng cộng đồng	05	Tuần 17-18 Tiết 49-53 28/12 → 9/1	Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại Thơ, tục ngữ về sự nhân văn, tương thân tương ái của con người Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV	Lớp học	2.1.NC1a: HS thử mời các bạn tham gia hoạt động cộng đồng bằng hai kênh khác nhau là bảng tin lớp và tin nhắn nhóm, đếm số bạn phản hồi mỗi kênh rồi nêu kênh nào hợp hơn.	10.A3: Luật pháp với AI: - HS tra cứu tên một quy định pháp luật về ứng xử trên mạng, đối chiếu với thông tin AI cung cấp và ghi lại điểm AI nêu thiếu vào phiếu tuyên truyền.
8	Kiểm tra đánh giá cuối kỳ I	01	Tuần 18 Tiết 54 4/1 → 9/1	Đề kiểm tra in sẵn; giấy kiểm tra Tivi, máy tính cá nhân (chiếu đề, hướng dẫn)	Lớp học		
HỌC KỲ II							
9	Chủ đề 6 Tham gia Xây dựng	04	Tuần 19-20	Tivi, máy tính cá nhân, bút màu	Lớp học	2.1.NC1a: HS ghi hình lại lời cảm	10.A3: Luật pháp với AI:

uigeli.xyz

STT	BÀI HỌC	SỐ TIẾT	THỜI ĐIỂM (TUẦN)	THIẾT BỊ DẠY HỌC	ĐỊA ĐIỂM DẠY HỌC	NĂNG LỰC SỐ PHÁT TRIỂN	YCCĐ THEO KHUNG 3439 (GIÁO DỤC AI)
	cộng đồng (tiếp)		Tiết 55-58 11/1 → 23/1	các loại Thơ, tục ngữ về sự nhân văn, tương thân tương ái của con người Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV		ơn của người dân nơi tổ đến giúp, mở đoạn ghi hình đó trên tivi lớp khi báo cáo và nêu vì sao hình ảnh thuyết phục hơn lời kể suông.	- HS kể tên Luật An ninh mạng và một quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân, đối chiếu với danh sách tên và ảnh người dân tổ định đưa vào báo cáo để loại thông tin chưa được cho phép.
10	Chủ đề 7 Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	06	Tuần 20-22 Tiết 59-64 18/1 → 20/2	Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại Tranh ảnh, video liên quan đến nội dung bài học Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV	Lớp học	3.1.NC1a: HS thiết kế bảng tin ảnh về cảnh quan địa phương trên giấy A3: dán hoặc vẽ lại cùng một địa điểm lúc sạch và lúc bị xả rác, viết chú thích và ghi rõ nguồn của từng ảnh; giáo viên chụp bảng tin, chiếu lên tivi để cả lớp góp ý, nhóm ghi phiếu yêu cầu chỉnh sửa rồi sửa lại bản giấy.	10.C3: Cách đặt prompt phù hợp với mục tiêu cụ thể: - HS viết prompt yêu cầu AI gợi ý khẩu hiệu tuyên truyền bảo vệ cảnh quan, chỉnh lại prompt cho rõ mục tiêu và đối chiếu kết quả với thực tế địa phương.
11	Chủ đề 8 Bảo vệ môi trường tự nhiên	09	Tuần 22-25 Tiết 65-73 15/2 → 13/3	Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại Video liên quan đến vấn đề môi trường Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV	Lớp học	6.2.NC1c: HS nêu một trường hợp ứng dụng AI đưa cảnh báo ô nhiễm sai, thảo luận thiệt hại có thể gây ra cho người dân và đề xuất hai việc cần làm để tránh rủi ro đó.	10.A2: Rủi ro đối với con người và dự án AI: - HS nêu một ứng dụng AI dự báo ô nhiễm, phân tích rủi ro khi tin hoàn toàn vào kết quả AI và đối chiếu dự báo đó với quan sát thực tế tại địa phương.
12	Chủ đề 9 Tìm hiểu nghề nghiệp	07	Tuần 25-27 Tiết 74-80 8/3 → 27/3	Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại Video về một số ngành Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV	Lớp học	1.1.NC1b: HS xem video giới thiệu nghề trên kênh chính thống và ghi lại mô tả công việc, nơi làm việc, dụng cụ thường dùng của ba nghề đang có ở địa phương vào phiếu tìm hiểu nghề.	10.C2: Liên hệ các ứng dụng AI và vấn đề trong thực tế: - HS hỏi trợ lí AI miễn phí về công việc hằng ngày của một nghề, đối chiếu với lời kể của người đang làm nghề đó và ghi rõ những điểm khác biệt.
13	Kiểm tra đánh giá giữa kỳ II	01	Tuần 27 Tiết 81 22/3 → 27/3	Đề kiểm tra in sẵn; giấy kiểm tra Tivi, máy tính cá nhân (chiếu đề, hướng dẫn)	Lớp học		
14	Chủ đề 9 Tìm hiểu nghề nghiệp (Tiếp)	05	Tuần 28-29 Tiết 82-86 29/3 → 10/4	Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại Video về một số ngành Tài liệu liên quan đến nội dung	Lớp học	4.3.NC1a: HS tra cứu rồi ghi vào phiếu tìm hiểu nghề ba việc giữ sức khoẻ khi làm nghề phải ngồi máy tính nhiều giờ: tư thế ngồi, thời	10.C2: Liên hệ các ứng dụng AI và vấn đề trong thực tế: - HS nhờ AI tóm tắt yêu cầu của nhà tuyển dụng với nghề đã chọn, đối chiếu

STT	BÀI HỌC	SỐ TIẾT	THỜI ĐIỂM (TUẦN)	THIẾT BỊ DẠY HỌC	ĐỊA ĐIỂM DẠY HỌC	NĂNG LỰC SỐ PHÁT TRIỂN	YCCĐ THEO KHUNG 3439 (GIÁO DỤC AI)
				bài học; SGK, SGV		gian nghỉ mắt, cách bố trí ánh sáng.	với tin tuyển dụng thật đã tra cứu và chỉ ra chi tiết AI suy đoán sai.
15	Chủ đề 10 Hiểu bản thân để chọn nghề phù hợp	09	Tuần 29-32 Tiết 87-95 5/4 → 1/5	Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại Sản phẩm của quê hương liên quan đến nội dung bài học Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV	Lớp học	6.3.NC1a: HS làm một bài trắc nghiệm hướng nghiệp trực tuyến miễn phí, đối chiếu kết quả với bảng tự đánh giá của mình và chỉ ra hai điểm công cụ này gợi ý chưa đúng về bản thân.	10.B3: Đạo đức trong vận hành và sáng tạo AI: - HS nêu ví dụ AI gợi ý nghề thiên vị theo giới tính, đối chiếu với thực tế nghề nghiệp ở địa phương và giải thích vì sao không nên phó mặc AI chọn nghề.
16	Chủ đề 11 Lập kế hoạch học tập, rèn luyện theo định hướng nghề nghiệp	09	Tuần 32-35 Tiết 96-104 26/4 → 22/5	Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV	Lớp học	1.3.NC1a: HS lập bảng trên phiếu so sánh ba trường đào tạo nghề em quan tâm theo ngành, nơi học và điều kiện tuyển sinh, sắp xếp theo mức độ phù hợp rồi giữ lại trong hồ sơ cá nhân để tham vấn thầy cô.	10.A2: Rủi ro đối với con người và dự án AI: - HS hỏi AI những nghề có nguy cơ bị máy móc thay thế, đối chiếu danh sách đó với nghề thật đang có ở địa phương và ghi lại nghề AI nêu nhưng thực tế vẫn đang cần người.
17	Đánh giá cuối học kỳ II	01	Tuần 35 Tiết 105 17/5 → 22/5	Đề kiểm tra in sẵn; giấy kiểm tra Tivi, máy tính cá nhân (chiếu đề, hướng dẫn)	Lớp học		

* CHÚ GIẢI CÁC MÃ NĂNG LỰC SỐ VÀ GIÁO DỤC AI ĐÃ TÍCH HỢP

1) Mã năng lực số (theo Khung năng lực số – Thông tư 02/2025; mức THPT: NC1):

Mã	Miền / Nội dung (khung)	Cách áp dụng cho GV – HS (ngôn ngữ đời thường)
1.1.NC1b	1.1. Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số — Xác định được nhu cầu thông tin; tìm kiếm được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số; truy cập chúng và khai thác được kết quả tìm kiếm. Tạo và cập nhật được chiến lược tìm kiếm.	HS áp dụng kỹ thuật tìm kiếm (từ khoá, lọc theo trang chính thức) để lấy tư liệu về truyền thống nhà trường và mô tả công việc của các nghề ở địa phương; ghi rõ nguồn và ngày truy cập.
1.3.NC1a	1.3. Quản lý dữ liệu, thông tin và nội dung số — Tổ chức, lưu trữ và truy xuất được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Tổ chức và	HS lập, sắp xếp và lưu bảng dữ liệu trên máy tính (bảng phân công việc nhà; bảng so sánh trường đào tạo) để tổ chức thông tin và truy xuất lại khi cần báo cáo, tham vấn.

Mã	Miền / Nội dung (khung)	Cách áp dụng cho GV – HS (ngôn ngữ đời thường)
	sắp xếp được chúng trong một môi trường có cấu trúc.	
2.1.NC1a	2.1. Tương tác thông qua công nghệ số — Tương tác thông qua các công nghệ số khác nhau và nhận biết được phương tiện giao tiếp số nào phù hợp cho một bối cảnh nhất định.	HS dùng nhiều phương tiện số khác nhau để mời và báo cáo hoạt động cộng đồng (bảng tin lớp, tin nhắn nhóm, đoạn ghi hình mở trên tivi), rồi so sánh mức phù hợp của từng phương tiện.
2.5.NC1a	2.5. Quy tắc ứng xử trên mạng — Nhận thức được các chuẩn mực hành vi và kiến thức khi sử dụng công nghệ số và tương tác trong môi trường số. Điều chỉnh các chiến lược giao tiếp phù hợp với đối tượng cụ thể và nhận thức đa dạng về văn hóa và thế hệ trong môi trường số.	HS đọc quy định cộng đồng của ứng dụng nhắn tin, nhận diện hành vi bị cấm và nêu chuẩn mực ứng xử tương ứng cần giữ khi nhắn tin với thầy cô, bạn bè.
2.6.NC1a	2.6. Quản lý danh tính số — Tạo và quản lý được một hoặc nhiều danh tính số để bảo vệ danh tiếng của bản thân, làm việc với dữ liệu mà một người tạo ra bằng nhiều công cụ, môi trường và dịch vụ số.	HS liệt kê các tài khoản số đang dùng cho học tập, giải trí và lập bảng đối chiếu tên hiển thị, thông tin công khai của từng tài khoản với hình ảnh bản thân muốn thể hiện.
3.1.NC1a	3.1 Phát triển nội dung số — Tạo và chỉnh sửa được nội dung số ở các định dạng khác nhau, nhằm thể hiện bản thân thông qua các phương tiện số.	HS ghép và chú thích bảng tin ảnh đối chiếu trước - sau về cảnh quan địa phương trên máy tính, trình chiếu cho lớp xem để kêu gọi giữ gìn cảnh quan.
4.3.NC1a	4.3 Bảo vệ sức khỏe và an sinh số — Tránh được rủi ro và đe dọa đến sức khỏe thể chất và tinh thần khi sử dụng công nghệ số. Bảo vệ được bản thân và người khác khỏi nguy cơ trong môi trường số (ví dụ: bắt nạt trên mạng). Nhận biết được những công nghệ số cho tăng cường thịnh vượng xã hội và sự hòa hợp trong xã hội.	HS nêu các cách tránh rủi ro sức khoẻ thể chất khi làm nghề phải dùng thiết bị số nhiều giờ: tư thế ngồi, nghỉ mắt, bố trí ánh sáng nơi làm việc.
5.4.NC1a	5.4 Xác định các vấn đề cần cải thiện về NLS — Hiểu được NLS của chính mình cần được cải thiện hoặc cập nhật ở đâu. Có thể hỗ trợ người khác phát triển NLS của họ. Tìm kiếm được cơ hội phát triển bản thân và cập nhật sự phát triển	HS đối chiếu bảng chỉ báo năng lực số với việc mình thường làm trên máy tính, chỉ ra chỉ báo bản thân còn yếu kèm minh chứng và ghi vào kế hoạch rèn luyện.

Mã	Miền / Nội dung (khung)	Cách áp dụng cho GV – HS (ngôn ngữ đời thường)
	số.	
6.2.NC1c	6.2 Sử dụng trí tuệ nhân tạo — Sử dụng hiệu quả các hệ thống AI và hiểu rõ ứng dụng thực tế của chúng. Sử dụng được AI để tạo nội dung, khám phá kiến thức và giải quyết các vấn đề trong công việc và cuộc sống hàng ngày.	HS thảo luận, tranh biện về rủi ro khi tin vào cảnh báo môi trường do AI đưa ra và đề xuất biện pháp hạn chế rủi ro — học được không cần máy tính, theo QĐ 3439.
6.3.NC1a	6.3 Đánh giá trí tuệ nhân tạo — Đánh giá và lọc được thông tin từ các nguồn được tạo ra hoặc xử lý bằng AI, để hiểu rõ hơn về tính đáng tin cậy và cách sử dụng thông tin đó. Đánh giá được AI trên các khía cạnh minh bạch, an toàn, đạo đức và tác động.	HS đánh giá độ tin cậy của công cụ trắc nghiệm hướng nghiệp trực tuyến bằng cách đối chiếu kết quả máy đưa ra với bảng tự đánh giá năng lực của chính mình.

2) Mã giáo dục AI (theo Khung năng lực AI – QĐ 3439/QĐ-BGDĐT; nội dung Lớp 10):

Mã	Miền / Nội dung (khung)	Cách áp dụng cho GV – HS (ngôn ngữ đời thường)
10.A1	A1. Tính chủ động của con người — Con người trong hệ thống AI / Con người cần kiểm soát AI	HS xác định vai trò kiểm soát của con người khi dùng AI mô tả tính cách bản thân; tự kiểm tra lại từng nhận định của AI bằng phiếu tự đánh giá.
10.A2	A2. AI vì sự tiến bộ của con người — Rủi ro đối với con người và dự án AI / Rủi ro của AI với đời sống	HS nêu rủi ro mà một số ứng dụng AI có thể đem lại (dự báo ô nhiễm sai, dự đoán nghề bị thay thế) và đối chiếu với quan sát, thực tế địa phương.
10.A3	A3. Công dân trong kỉ nguyên AI — Luật pháp với AI	HS kể tên quy định pháp luật bảo vệ người dùng trên không gian mạng (an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân), đối chiếu với thông tin AI cung cấp và với nội dung tổ định đưa vào báo cáo.
10.B2	B2. Sử dụng AI an toàn và có trách nhiệm — Tuân thủ quy định và pháp luật khi sử dụng AI	HS nêu ví dụ hành vi dùng AI vi phạm nội quy nhà trường, đối chiếu với quy định để chỉ ra cách sử dụng AI trung thực trong học tập.
10.B3	B3. Nguyên tắc đạo đức và trách nhiệm xã hội — Đạo đức trong vận hành và sáng tạo AI	HS trình bày ví dụ AI gợi ý nghề thiên vị theo giới tính, đối chiếu với thực tế nghề nghiệp địa phương để thấy vấn đề đạo đức của dữ liệu.
10.C2	C2. Ứng dụng AI trong học tập và cuộc sống — Liên hệ các ứng dụng AI và vấn đề trong thực tế / Một số ứng dụng AI trong học tập	HS nêu ví dụ dùng AI hỗ trợ học tập và hướng nghiệp (tra thông tin nghề, gợi ý hoạt động), đối chiếu kết quả AI với SGK, người làm nghề và điều kiện thật.
10.C3	C3. Công nghệ AI — Cách đặt prompt phù hợp với mục tiêu cụ thể / Một số công nghệ trong AI	HS mô tả yêu cầu để viết prompt phù hợp mục tiêu tuyên truyền, chỉnh lại prompt cho rõ và kiểm chứng kết quả với thực tế địa phương.

Mã	Miền / Nội dung (khung)	Cách áp dụng cho GV – HS (ngôn ngữ đời thường)
10.C4	C4. Dữ liệu trong AI — Các dạng dữ liệu huấn luyện và ảnh hưởng đến chất lượng AI	HS nhận ra ảnh hưởng của dữ liệu đến kết quả AI qua việc đối chiếu gợi ý chia khoản chi của AI với sổ chi tiêu thật của bản thân.

Ghi chú: Mỗi bài học gắn 1 mã năng lực số + 1 mã giáo dục AI ở mức dễ thực hiện. Các tiết Ôn tập, Kiểm tra để trống theo đúng cách trình bày trong bảng mẫu của Bộ. Mã AI đều thuộc khung nội dung Lớp 10 của QĐ 3439/QĐ-BGDĐT.

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông): Không

3. Kiểm tra, đánh giá định kì.

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ 1	Tuần 9	Giữa kỳ I	- Đạt được mục tiêu của chủ đề 1, 2 - Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS	Viết trên giấy
Cuối Học kỳ 1	Tuần 16	Cuối kỳ I	- Đạt được mục tiêu của chủ đề 3, 4, 5 - Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS	Viết trên giấy
Giữa Học kỳ 2	Tuần 25	Giữa kỳ II	- Đạt được mục tiêu của chủ đề 6, 7,8 - Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS	Viết trên giấy
Cuối Học kỳ 2	Tuần 32	Cuối kỳ II	- Đạt được mục tiêu của chủ đề 9,10,11 - Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS	Viết trên giấy

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày …… tháng …… năm 2026
GIÁO VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)